

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC - 10 NĂM NHÌN LẠI VÀ HƯỚNG TỚI



PGS.TS Nông Quốc Chính

*Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng trường Đại học Khoa học
– ĐH Thái Nguyên*

Là đơn vị thành viên của Đại học Thái Nguyên, trường Đại học Khoa học ra đời với sứ mạng đào tạo, bồi dưỡng và cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao thuộc lĩnh vực khoa học cơ bản, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, phát triển bền vững xã hội, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của khu vực miền núi phía Bắc và cả nước.

Trải qua 10 năm xây dựng và phát triển (2002-2012), trường Đại học Khoa học đã thu được nhiều thành tựu trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Trường đã và đang tích cực thực hiện sứ mạng của mình, góp phần xây dựng Đại học Thái Nguyên thành đại học vùng trọng điểm của cả nước.

10 năm, trải qua bao gian nan, vất vả, tập thể CB,VC nhà trường cùng nhìn lại, đánh giá những kết quả đã đạt được và cùng đặt ra *tầm nhìn* trong chặng đường tiếp theo.

10 năm - Những dấu mốc đáng nhớ

Năm 2002, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký Quyết định số 1286/QĐ-BGD&ĐT-TCCB về việc thành lập Khoa Khoa học Tự nhiên trực thuộc Đại học Thái Nguyên. Với dấu mốc này, tiền thân của trường Đại học Khoa học chính thức được khai sinh.

Năm 2006, khoa Khoa học Tự nhiên được đổi tên thành khoa Khoa học Tự nhiên và Xã hội theo Quyết định số 803/QĐ-ĐHTN-TCCB của Giám đốc Đại học Thái Nguyên. Như vậy, sau 04 năm thành lập, bên cạnh nhiệm vụ đào tạo cán bộ lĩnh vực khoa học tự nhiên, Đại học Thái Nguyên đã tin tưởng và trao thêm trọng trách, nhiệm vụ mới cho trường, đó là đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao thuộc lĩnh vực khoa học xã hội.

Năm 2008, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 1901/QĐ-TTg về việc thành lập trường Đại học Khoa học trực thuộc Đại học Thái Nguyên trên cơ sở Khoa Khoa học Tự nhiên và Xã hội. Có thể nói, đây là dấu mốc vô cùng quan trọng trong sự phát triển của trường. Nó đánh dấu bước phát triển ổn định, đúng hướng, phù hợp với nhu cầu của người học và sự phát triển chung của Đại học Thái Nguyên. Đó còn là minh chứng thể hiện sự tin tưởng của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Đại học Thái Nguyên trước những kết quả và sự nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ, viên chức nhà trường.

Năm 2012, sau 10 năm xây dựng và trưởng thành, trường Đại học Khoa học đã và đang khẳng định vị trí và thương hiệu của mình trong Đại học Thái Nguyên và khu vực. Xây dựng trường trở thành trường đại học đa ngành, chất lượng cao là mục tiêu mà tập thể cán bộ, viên chức nhà trường đã và đang hướng tới.

10 năm - Những con số ấn tượng

Trong 10 năm qua, tập thể cán bộ, viên chức, sinh viên nhà trường đã kiên trì và nỗ lực thực hiện mục tiêu đề ra, tạo nên những thành tựu đáng tự hào:

*** Về công tác xây dựng đội ngũ và bộ máy tổ chức**

Công tác bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ là bước tiến đáng tự hào của trường. Năm 2002, trường có 53 cán bộ, viên chức, trong đó có 6 tiến sĩ, 19 thạc sĩ, đến tháng 9/ 2012 số cán bộ, viên chức của trường là 315 người, trong đó có 249 cán bộ giảng dạy. Trình độ của đội ngũ cán bộ ngày càng được nâng cao và chuẩn hoá, hiện nay trường có 04 PGS, 17 tiến sĩ, 141 thạc sỹ, 66 nghiên cứu sinh. Tỷ lệ cán bộ có trình độ thạc sỹ trở lên chiếm hơn 50%.

Bộ máy tổ chức cũng vì thế mà mở rộng và phát triển, từ 02 phòng chức năng, 04 bộ môn trực thuộc (năm 2002), hiện nay trường có 06 phòng chức năng, 06 khoa, 02 bộ môn, 04 trung tâm trực thuộc trường.

Những con số trên không chỉ thể hiện sự quan tâm, chú trọng của nhà trường đến công tác xây dựng đội ngũ, cơ cấu tổ chức mà còn khẳng định những bước đi đúng đắn, hợp lý, mạnh dạn trong công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho cán bộ, viên chức, đặc biệt là cán bộ giảng dạy của nhà trường. Sau 10 năm, số lượng cán bộ, viên chức tăng 262 người, trong đó, cán bộ, viên chức có học vị tiến sĩ tăng 11 người, trình độ thạc sĩ tăng 122 người. Đặc biệt, trường có số lượng cán bộ học sau đại học/ tổng số cán bộ viên chức chiếm tỷ lệ cao so với các đơn vị thành viên của Đại học Thái Nguyên (66 cán bộ đang nghiên cứu sinh, 66 cán bộ đang học thạc sĩ). Khoảng 5 năm tới, tỷ lệ cán bộ có trình độ tiến sĩ dự kiến sẽ đạt 30% số lượng giảng viên của trường, điều này hứa hẹn sự bứt phá của trường trong một tương lai không xa.

*** Công tác đào tạo**

Năm 2003, trường tuyển sinh khóa đầu tiên gồm 5 ngành bậc đại học với 160 chỉ tiêu, đến năm 2012, trường đang đào tạo 18 ngành bậc đại học với quy mô tuyển mới 1203 sinh viên. Như vậy, sau 9 năm, số ngành tuyển sinh và số lượng sinh viên đã tăng lên đáng kể: 13 ngành và 1043 sinh viên. Hiện nay, quy mô đào tạo là 5000 sinh viên chính quy.

Trong 10 năm qua, nhà trường đã phát triển đào tạo theo 2 hướng chính:

Thứ nhất, xây dựng chương trình, đưa vào đào tạo các ngành mang tính thời sự mà nhu cầu xã hội đang cần như: Quản lý tài nguyên và môi trường; Khoa học môi trường; Công tác xã hội; Báo chí; Khoa học quản lý... Ngay từ những khóa đầu tuyển sinh, các chuyên ngành này đã thu hút được sự quan tâm của xã hội và thu hút được thí sinh dự thi và theo học.

Thứ hai, liên tục cập nhật các chương trình đào tạo đang có và đưa ra nhiều hướng chuyên sâu cho sinh viên lựa chọn sau khi đã học xong các kiến thức cơ sở ngành, đồng thời quan tâm, chú trọng đến những chương trình thực tế, thực tập, thực hành cho sinh viên. Nâng cao kiến thức, kỹ năng mà sinh viên thu được từ thực tiễn, "*học đi đôi với hành*" là phương châm đào tạo của nhà trường.

Đây chính là 2 nguyên nhân cơ bản dẫn đến quy mô đào tạo của nhà trường tăng trưởng hàng năm.

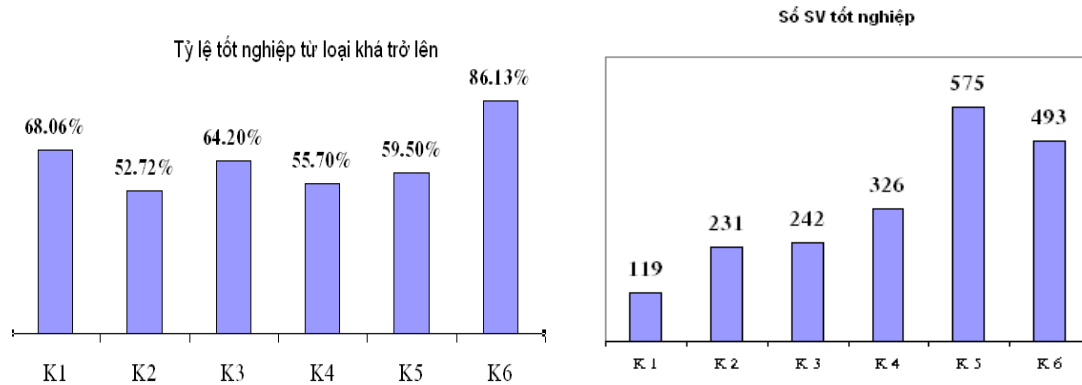
Bảng 1: Số sinh viên đại học hệ chính quy đang học tập tại trường

Khóa	Thời gian	Số sinh viên	Số chương trình đào tạo
6	2008-2012	789	11
7	2009-2013	1512	13
8	2010-2014	981	14
9	2011-2015	1203	18
10	2012-2016	1250 (dự kiến)	18

Từ năm học 2008-2009, trường Đại học Khoa học đã từng bước chuyển đổi mô hình đào tạo từ niên chế sang học chế tín chỉ một cách vững chắc. Khóa đầu tiên theo mô hình tín chỉ, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đạt gần 70%, trong đó có 86,13% sinh viên được xếp loại tốt nghiệp từ khá trở lên.

Điều đáng phấn khởi là phần lớn sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường đã tìm được việc phù hợp chuyên môn, ổn định và được các nhà tuyển dụng hài lòng, đánh giá cao.

Bảng 2: Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp và tốt nghiệp loại khá trở lên



Bên cạnh đó, nhà trường đã từng bước mở rộng các hình thức đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội như *vừa làm vừa học*, *liên thông* từ trình độ trung cấp, cao đẳng lên đại học. Tính đến thời điểm năm học 2011-2012 đã có 443 sinh viên tốt nghiệp và hiện có 950 sinh viên đang theo học. Những sinh viên này đã góp phần đáng kể trong việc nâng cao trình độ nguồn nhân lực cho các địa phương trên địa bàn. Nhiều sinh viên hệ liên thông, vừa làm vừa học sau khi tốt nghiệp đã đảm nhận vị trí trọng trách trong các nhà máy, doanh nghiệp...

Từ năm 2007, nhà trường đã tích cực triển khai đào tạo 03 chuyên ngành *thạc sĩ (Toán ứng dụng, Phương pháp Toán sơ cấp và Công nghệ sinh học)*, 01 chuyên ngành *Tiến sĩ (Hóa Sinh học)*. Hiện tại, trường vẫn đang tiếp tục mở rộng quy mô đào tạo trình độ cao. Đến nay, trường đã có 03 khóa với 126 học viên cao học được nhận bằng Thạc sĩ, 222 học viên đang theo học đúng tiến độ và 101 học viên cao học đang chuẩn bị bảo vệ luận văn. Nghiên cứu sinh đầu tiên của nhà trường đã bảo vệ cấp Đại học thành công. Như vậy, mặc dù mới được 6 năm nhưng công tác đào tạo sau đại học của trường đã thu được những thành tựu đáng ghi nhận.

*** Nghiên cứu khoa học**

Hoạt động nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của trường Đại học Khoa học. Trong những năm qua, công tác nghiên cứu khoa học (NCKH) của trường đã đáp ứng cả hai tiêu chí: vừa nghiên cứu cơ bản, vừa nghiên cứu ứng dụng phục vụ sự nghiệp phát triển khoa học, công nghệ, kinh tế, xã hội và đổi mới đất nước, cụ thể:

Cán bộ nhà trường đã thực hiện 03 đề tài độc lập cấp Nhà nước (*Nafosted*); 41 đề tài cấp Bộ, 07 dự án cấp Bộ; 138 đề tài cấp cơ sở. Bên cạnh những đóng góp mới, mang tính định hướng cho lĩnh vực nghiên cứu cơ bản, trường cũng thực hiện những đề tài, dự án mang tính ứng dụng cao, phục vụ cho sự phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

Cùng với việc thực hiện các đề tài NCKH, cán bộ, giảng viên của nhà trường cũng tích cực công bố các công trình khoa học của mình trên tạp chí chuyên ngành các cấp. Trong 10 năm qua, cán bộ, giảng viên của trường đã công bố 61 bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín SCI,

SCIE, hơn 30 bài báo trên tạp chí chuyên ngành quốc tế, trên 150 bài báo trên Tạp chí chuyên ngành cấp quốc gia, hơn 200 bài báo trên Tạp chí KHCN Đại học Thái Nguyên....Như vậy, có thể thấy, thành tích công bố quốc tế của trường nổi trội so với các đơn vị thành viên của Đại học Thái Nguyên, đặc biệt ở những tạp chí thuộc danh mục quốc tế ISI (*Phụ lục 1+2*).

Từ việc tạo dựng và khẳng định uy tín trên lĩnh vực khoa học ở trong nước và quốc tế, một số cán bộ của trường đã vinh dự được bầu vào Hội đồng khoa học của Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia, được mời sang giảng dạy, hợp tác nghiên cứu, tập huấn tại những cơ sở đào tạo và nghiên cứu của các nước tiên tiến; 05 cán bộ, giảng viên của trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng bằng khen vì có nhiều thành tích trong hoạt động KHCN các giai đoạn 2001-2005, 2006-2010, đặc biệt, trong năm 2012, 01 cán bộ của nhà trường đã vinh dự được nhận giải thưởng Kovalevskaia cao quý....

Phong trào NCKH đã lan tỏa và đã thu hút được sự quan tâm và say mê nghiên cứu của đông đảo sinh viên nhà trường. Trong những năm qua, sinh viên của trường đã thực hiện và bảo vệ thành công 318 đề tài sinh viên NCKH, nhiều đề tài của sinh viên được đánh giá cao về thực tiễn, sáng tạo. Đặc biệt, sinh viên của trường đã đạt 02 giải ba, 02 giải khuyến khích đề tài sinh viên NCKH toàn quốc, 01 giải ba "*sáng tạo trẻ Việt Nam Vifotec*", 02 giải nhất "*sáng tạo trẻ tỉnh Thái Nguyên*"...

Với tư duy *nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ không thể thiếu của mỗi giảng viên*, trong những năm qua, công tác NCKH thực sự trở thành thế mạnh của nhà trường. Sự say mê nghiên cứu của cán bộ, giảng viên, sự động viên, khuyến khích kịp thời và chế độ đãi ngộ hợp lý của nhà trường...đã góp phần tạo nên những sản phẩm khoa học có uy tín và chính những nhân tố đó đã góp phần tạo nên thành quả đáng tự hào của nhà trường hôm nay.

*** Xây dựng cơ sở vật chất.**

Công tác xây dựng cơ sở vật chất của trường trong những năm qua có những bước tiến đáng kể. Vượt qua những khó khăn ban đầu, đến nay, trường đã xây dựng thêm một nhà 5 tầng với 20 phòng học kiên cố, khang trang, hiện đại, 03 phòng máy tính, 07 phòng thí nghiệm, 04 nhà ký túc xá 05 tầng dành cho sinh viên. Hiện nay, trường đang xây dựng nhà điều hành 5 tầng, kinh phí khoảng 25 tỉ đồng, dự kiến sẽ hoàn thành vào đầu quý I/ 2013.

Những cố gắng, nỗ lực của tập thể cán bộ, viên chức nhà trường đã được đền đáp xứng đáng. Trường có 03 năm học được công nhận tập thể lao động tiên tiến, 06 năm học được công nhận tập thể lao động xuất sắc, được tặng 01 Cờ thi đua của UBND Tỉnh Thái Nguyên, 04 bằng khen của UBND tỉnh Thái Nguyên, 01 bằng khen của Tỉnh ủy Thái Nguyên, 03 bằng khen của Bộ GD&ĐT, 01 bằng khen của Thủ tướng Chính phủ... 12 cá nhân được công nhận danh hiệu CSTĐ cấp Bộ, 33 cán bộ được tặng bằng khen Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, 07 cá nhân được bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, 02 cá nhân được tặng Huân chương Lao động hạng Ba, 01 cá nhân được phong tặng danh hiệu NGƯT, 01 giải thưởng "*Biểu tượng Vàng nguồn nhân lực Việt Nam*"...Năm học 2011-2012, Hội đồng thi đua-khen thưởng nhà trường đã họp và đề nghị Hội đồng thi đua-khen thưởng cấp trên công nhận trường đạt tập thể Lao động xuất sắc, đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen cho những thành tích của nhà trường.

Nhìn lại chặng đường đã qua, trường Đại học Khoa học không khỏi xúc động và tự hào trước những con số ấn tượng ấy. Đó là thành quả của sự lao động, cống hiến miệt mài, của sự mạnh dạn tìm tòi, khám phá và là kết tinh của trí tuệ, của sức mạnh đoàn kết mà tập thể cán bộ, viên chức, sinh viên nhà trường đã dày công xây dựng, vun đắp. Những thành tựu này khẳng định và

minh chứng một cách sinh động cho một hướng đi đúng đắn và là niềm tựa đáng tin cậy để trường Đại học Khoa học có những bứt phá trong tương lai.

10 năm- Vươn lên tầm cao mới

Trên cơ sở những thành tựu và kinh nghiệm đã tích lũy được qua 10 năm xây dựng và phát triển trường Đại học Khoa học quyết tâm thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

Tiếp tục chú trọng bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ, đặc biệt đội ngũ giảng viên. Theo lộ trình từ nay đến năm 2015, trường sẽ có 350 cán bộ, viên chức (trong đó 285 cán bộ giảng dạy, 10 GS, PGS, 80 tiến sĩ) và đến năm 2020, phấn đấu đạt 440 cán bộ, viên chức (350 cán bộ giảng dạy, 26 GS, PGS, 116 tiến sĩ, 230 thạc sĩ). Phấn đấu 100% cán bộ giảng dạy có trình độ thạc sĩ trở lên.

Cập nhật chương trình đào tạo theo định hướng nâng cao năng lực nghề nghiệp cho người học. Mở mới các chương trình đào tạo nhằm đi trước, đón đầu nhu cầu lao động trong tương lai phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển kinh tế, văn hóa... của địa phương, đồng thời đẩy mạnh liên kết, đặc biệt là liên kết quốc tế trong đào tạo, tạo cơ hội cho sinh viên được học các chương trình tiên tiến, được tiếp cận với các giảng viên quốc tế.

Tiếp tục mở rộng quy mô đào tạo sau đại học. Ngoài các ngành đào tạo truyền thống, nhà trường chú trọng đến các lĩnh vực mà xã hội đang rất thiếu như Quản lý hành chính công, Khoa học môi trường, Văn học Việt Nam.... Trong 5 năm tới trường phấn đấu mở từ 2 đến 3 ngành đào tạo tiến sĩ, trước mắt là các chuyên ngành thuộc lĩnh vực Toán học và Hóa học...

Tăng cường công tác nghiên cứu khoa học, gắn nghiên cứu khoa học với phục vụ đào tạo và dịch vụ xã hội. Trong những năm tới, về nghiên cứu cơ bản, trường tập trung vào các đề tài cấp Nhà nước thuộc các lĩnh vực Toán học, Hóa học, Vật lý và Khoa học vật liệu.... Về nghiên cứu ứng dụng, hướng nghiên cứu của các đề tài, dự án cấp Bộ, cấp tỉnh sẽ là các lĩnh vực về giáo dục môi trường, phát triển bền vững, tiết kiệm năng lượng; Bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị của văn hóa các dân tộc thiểu số và những chương trình triển khai thử nghiệm trong lĩnh vực sinh học và Công nghệ Sinh học... Bên cạnh đó, trường tích cực triển khai thực hiện những đề tài cấp đại học, cấp cơ sở và các đề tài sinh viên NCKH để phục vụ và đáp ứng tốt cho công tác chuyên môn.

Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất để góp phần phục vụ và nâng cao chất lượng đào tạo một cách toàn diện để nhanh chóng tiếp cận với đào tạo đại học trong khu vực và thế giới.

10 năm nhìn lại, CB,VC và SV nhà trường luôn ghi nhớ và tri ân công lao của những cán bộ đã có công xây nền, đắp móng cho sự ra đời của khoa Khoa học Tự nhiên 10 năm trước đây và sự phát triển của trường Đại học Khoa học ngày hôm nay. Những bước phát triển đó không thể thiếu sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo, sự khích lệ, động viên của lãnh đạo Đại học Thái Nguyên, sự hợp tác của các trường đại học, Sở giáo dục, đơn vị liên kết và đặc biệt là sự đoàn kết, đồng thuận của CB,VC, SV nhà trường.

Với những thành tựu rất đáng tự hào và khát vọng vươn tới, trường Đại học Khoa học sẽ phát huy những thành tích đã đạt được trong thời gian qua, tiếp tục củng cố, xây dựng trường Đại học Khoa học trở thành trường đại học trọng điểm của Đại học Thái Nguyên và khu vực./.

PGS. TS NÔNG QUỐC CHINH

Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng trường Đại học Khoa học – ĐHTN Thái Nguyên

Phụ lục 1
DANH MỤC MỘT SỐ BÀI BÁO TIÊU BIỂU
ĐĂNG TRÊN TẠP CHÍ CHUYÊN NGÀNH CẤP QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2002-2012

TT	Tên bài báo	Tên tạp chí	Năm công bố
1.	Phạm Thị Phương Thái , Bàn thêm về thể thơ thất ngôn xen lục ngôn.	Tạp chí Văn học	2002
2.	Nguyễn Duy Tiên , Tình hình sở hữu ruộng đất ở Thái Nguyên trước cách mạng tháng 8/ 1945.	Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử	2002
3.	Lương Thị Hồng Vân , Nghiên cứu độc tính, tác dụng phòng chống độc và hạ huyết áp của dịch chiết lá chè đắng Cao Bằng.	Tạp chí Y học Thực hành	2003
4.	Trương Thị Thảo , Tính chất điện hóa và khả năng oxy hóa điện hòa rượu elicít của điện cực màng mỏng NiOxHy điều chế bằng phương pháp Solgel với tiền chất NiCl ₂ 6H ₂ O)- Phần 2.	Tạp chí Phân tích Lí, Hóa và Sinh học.	2004
5.	Vũ Thị Lan , Nuôi cấy mô sẹo cây trinh nữ hoàng cung (Ginum Latifolium L.)	Tạp chí Công nghệ Sinh học	2005
6.	Phạm Thị Phương Thái , Góp vào việc phiên âm một số chữ trong Quốc âm thi tập.	Tạp chí Hán Nôm	2005
7.	Hoàng Thị Thu Yên , Phân tích trình tự vùng điều khiển <D-Loop > trên genome thể của 5 cá thể người Việt Nam.	Tạp chí Công nghệ Sinh học	2005
8.	Lương Thị Hạnh , Lễ cầu an của người Tày ở Bắc Kạn.	Tạp chí Dân tộc học	2006
9.	Nguyễn Vũ Thanh Thanh , Tách dòng gen mã hóa phospholipase C3 ở hai giống đậu xanh Vigra radiata (L.) Wilczek KP 11 và MN 93.	Tạp chí Sinh học	2006
10.	Nguyễn Đăng Đức , Compozit epoxy/Ppy-g-Fe ₂ O ₃ bảo vệ chống ăn mòn kim loại.	Tạp chí Hóa học	2007
11.	Ngô Văn Giới , Một số yếu tố hạn chế tới đất nông nghiệp ở Mai Sơn-Sơn La.	Tạp chí Các khoa học về trái đất	2007
12.	Bùi Linh Huệ , Hướng về nền văn hóa nữ tính- lễ hội mặt trời của L.Siko.	Tạp chí Châu Mỹ ngày nay	2007
13.	Trịnh Đình Khá , Tuyển chọn và nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố môi trường lên khả năng sinh tổng hợp cellulase từ chngtr Penicillium sp.DTQ-HK1.	Tạp chí Công nghệ Sinh học	2007
14.	Nguyễn Diệu Linh , Nhận thức về quá khứ trong Di cao thơ của Chế Lan Viên.	Tạp chí Nghiên cứu văn học	2008
15.	Nguyễn Thị Phương Mai , Các biện pháp canh tác cây chè nhằm quản lý và sử dụng đất bền vững ở Phúc Trìu, tỉnh Thái Nguyên.	Tạp chí Nghiên cứu Phát triển bền vững	2008
16.	Ngô Văn Giới , Những yếu tố hạn chế sản xuất nông nghiệp trên đất dốc ở Sơn La và các giải pháp khắc phục.	Tạp chí các khoa học về Trái đất	2009
17.	Vi Thùy Linh , Thực trạng ô nhiễm kim loại nặng trong sinh vật và con người sống tại vùng mỏ thiếc Sơn Dương - Tỉnh Tuyên Quang.	Tạp chí Nghiên cứu phát triển bền vững	2009
18.	Phạm Thị Phương Thái , Bàn thêm về kết cấu vận luật thể thơ song thất lục bát.	Tạp chí Nghiên cứu lý luận, phê bình và lịch sử văn học	2009
19.	Phí Hùng Cường , Đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp nhằm khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên rừng thượng nguồn lưu vực sông Cầu tỉnh Bắc Kạn.	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2010
20.	Lê Thị Ngân , Lê Văn Trương và hiệu ứng đa chiều của tính đạo lý.	Tạp chí Văn hóa nghệ thuật	2010
21.	Cao Duy Trinh , English today and tomorrow from a critical perspective.	Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ, ĐHQGHN	2010
22.	Nguyễn Thị Đông, Nguyễn Thu Huyền , Thực hiện sản xuất sạch hơn tại công ty cô phân công nghệ cao Sao Xanh, khu công nghiệp Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.	Tạp chí Môi trường	2011

23.	Dương Kim Giao , Luật tục và hương ước của dân tộc H'Mông khu vực miền núi phía Bắc trong sử dụng tài nguyên thiên nhiên.	Tạp chí dân tộc và thời đại	2011
24.	Lương Thị Hạnh , Đám ma thầy Tào của người Tày (Qua trường hợp ở xã Phương Viên, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn).	Tạp chí Dân tộc học	2011
25.	Nguyễn Anh Hùng , Thực trạng chăn nuôi đại gia súc ở huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.	Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi	2011
26.	Nguyễn Thu Huyền , Thực trạng khai thác, sử dụng và quản lý tài nguyên vùng đầm phá tỉnh Bình Định.	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn	2011
27.	Nguyễn Diệu Linh , Cảm hứng phê phán trong Di cao thơ của Chế Lan Viên.	Tạp chí Nghiên cứu Văn học	2011
28.	Hoàng Thị Tuyết Mai , Phương thức ứng xử với ngôn ngữ và văn hóa thời Lý Trần.	Tạp chí Văn hóa nghệ thuật	2011
29.	Lê Thị Ngân , Chất phiêu lưu trong cốt truyện của tiểu thuyết Lê Văn Trương.	Tạp chí Nghiên cứu Văn học	2011
30.	Nguyễn Vũ Thanh Thanh , Đặc điểm của gen DREB1 phân lập từ giống đậu tương địa phương (Glycine max (L.) Merrill) Xanh lơ Ba bể (Bắc Kạn).	Tạp chí Sinh học	2011
31.	Nguyễn Thị Hải Yến , Tạo dòng cà chua PT18 kháng bệnh xoắn vàng lá do virus bằng kỹ thuật RNAi.	Tạp chí Công nghệ Sinh học	2011
32.	Mai Thị Lan Anh , Đánh giá nguy cơ phơi nhiễm và chỉ số liều lượng rủi ro của chì (Pb) từ gạo tại một số làng nghề tái chế kim loại tỉnh Bắc Ninh.	Tạp chí Khoa học Công nghệ Việt Nam	2012
33.	Cao Thị Hồng , Lý luận VHVN thời kỳ đổi mới: Một số đột phá trong tư duy.	Tạp chí TTKHXH, Viện VHXH	2012
34.	Nguyễn Thị Thu Hương , Cách xưng hô trong giao tiếp của người Nùng An, Phúc Sen, Cao Bằng.	Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống	2012
35.	Ngô Ngọc Linh , Phong trào đấu tranh du kích trên căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai.	Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử	2012
36.	Nguyễn Thị Thanh Ngân , Về lời cầu nguyện của người Việt.	Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống	2012
37.	Nguyễn Thị Thu Trang , Kết từ vì trong lập luận tiếng Việt.	Tạp chí Ngôn ngữ	2012
38.	Hoàng Thị Thu Yến , Tạo dòng và xác định trình tự hoàn chỉnh cDNA mã hóa hemocaynin liên quan đến đáp ứng miễn dịch ở tôm sú (Penaeus monodon).	Tạp chí Công nghệ Sinh học	2012
39.	Văn Hữu Tập , Áp dụng quá trình ozon hoá làm giảm hàm lượng các chất hữu cơ khó phân huỷ trong xử lý nước rỉ rác bãi chôn lấp chất thải rắn.	Tạp chí Phân tích Hoá, Lý và Sinh học.	2012
40.	Nguyễn Thị Tuyết , Đánh giá hiện trạng nước thải làng nghề miền Việt Cường, xã Hóa Thượng, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.	Tạp chí: Phân tích Hóa, Lý và Sinh học	2012

Phụ lục 2

**DANH MỤC CÁC BÀI BÁO QUỐC TẾ
ĐĂNG TRÊN TẠP CHÍ ISI (SCI, SCIE) GIAI ĐOẠN 2002-2012**

TT	Tên bài báo	Tên tạp chí	Năm công bố	Xếp hạng
1.	Le Thanh Nhan , On representable linearly compact modules (with NT Cuong).	Proc. Amer. Math. Soc.	2002	SCI
2.	Duong Nghia Bang , Synthesis and structural characterization of novel β -tropolone derivatives (with VN Komissarov, VI Minkin, SM Aldoshin, VV Tkachev, GV Shilov).	Mendeleev Commun.	2003	SCI
3.	Le Thanh Nhan , On pseudo Cohen-Macaulay and pseudo generalized Cohen-Macaulay modules (with NT Cuong).	Journal of Algebra	2003	SCI
4.	Le Thanh Nhan , On the length of generalized fractions (with NT Cuong, M. Morales).	Journal of Algebra	2003	SCI
5.	Le Thanh Nhan , On the fineness of certain sets of attached prime ideals related to local cohomology modules and the length of generalized fractions (with NT Cuong, M. Morales).	J. Pure Appl. Algebra	2004	SCI
6.	Nong Quoc Chinh , On reducing sequences and application to local cohomology modules.	Bulletin IMS.	2005	SCIE
7.	Hoang Lam , Growth Inhibitors of Lettuce Seedlings From Bacillus cereus EJ-121 (with Gil-Jae Joo, Won-Chan Kim, So-Young Jeon, Sun-Ha Choi, Joung-Woong Kim, In-Koo Rhee, Jong-Moon Hur and Kyung-Sik Song)	Journal of Plant Growth Regulation	2005	SCI
8.	Le Thanh Nhan , On generalized regular sequences and the finiteness for associated primes of local cohomology modules.	Comm. Algebra	2005	SCI
9.	Le Thanh Nhan , A remark on Monomial Conjecture and Cohen-Macaulay canonical modules.	Proc. Amer. Math. Soc.	2006	SCI
10.	Le Thanh Nhan , On generalized f-modules and associated primes of local cohomology modules (with M. Morales).	Comm. Algebra	2006	SCI
11.	Hoang Lam , Mechanism by which Bacillus-Derived 2-Aminobenzoic acid inhibits the growth of Arabidopsis thaliana Roots (with K. Song, I. Rhee, J. Kim, S. Lee).	Journal of Plant Biology	2007	SCIE
12.	Le Thanh Nhan , Top local cohomology modules and the catenaricity of the unmixed support of a finitely generated module (with NT Cuong, NT Dung).	Comm. Algebra	2007	SCI
13.	Le Thanh Nhan , On generalized co-Cohen-Macaulay and co-Buchsbaum modules (with NT Cuong, NT Dung).	Algebra Collq	2007	SCI
14.	Chu Thi Anh Xuan , Melting of the charge ordering state by Ruthenium doping in $\text{Ca}_{0.6}\text{Pr}_{0.4}\text{Mn}_{1-y}\text{Ru}_y\text{O}_3$ ($y = 0, 0.03, 0.05, 0.07$) perovskites (with PQ Thanh, BT Cong, NH Luong).	J. Magn. Magnetic Materials	2007	SCI
15.	Duong Nghia Bang , Synthesis of 2-(quinoxaliny)- β -tropolones (with YA Sayapin, VN Komissarov, IV Dorogan, VI Minkin, VV Tkachev, GV Shilov, SM Aldoshin, VN Charushin).	Mendeleev Commun.	2008	SCI
16.	Nong Quoc Chinh, Le Thanh Nhan , On associated primes and the support of local cohomology modules.	Algebra Colloq.	2008	SCIE
17.	Le Thanh Nhan , A finiteness result for associated primes of certain Ext-modules (with M. Brodmann).	Comm. Algebra	2008	SCI
18.	Nguyen Van Khien , Effects of dilution on magnetic and transport properties of $\text{La}_{0.7}\text{Ca}_{0.3}\text{Mn}_{1-x}\text{M}'_x\text{O}_3$ (with NH Nam, NV Dai, TD Thanh, LC Tuong, LV Hong, NX Phuc, HS Hong).	Physics Rev. B	2008	SCI
19.	Nguyen Van Khien , Temperature memory and resistive glassy behavior of a perovskite manganite (with DH Nam, NV Dai, LV Hong, NX Phuc).	Physics Rev. B	2008	SCI
20.	Duong Nghia Bang , Synthesis and structure of heterocyclic derivatives of pyran-2-ones based on the dimer of 4,6-di(tert-butyl)-3-hydroxy-1,2-	Russian J. Organic	2009	SCI

	benzoquinone (with YA Sayapin, VN Komissarov, IV Dorogan, VV Tkachev, GV Shilov, SM Aldoshin, VI Minkin).	Chemistry		
21.	Duong Nghia Bang , 3,5-Di-tert-butyl-1,2-benzoquinone in the synthesis of quinolino[4,5-bc][1,5]benzoxazepines, aminophenols, and phenoxazines (with VN Komissarov, YA Sayapin, VV Tkachev, GV Shilov, SM Aldoshin, VI Minkin)	Russian J. Organic Chemistry	2009	SCI
22.	Le Thanh Nhan , On the unmixedness and universal catenaricity of local rings and local cohomology modules (with TN An).	Journal of Algebra	2009	SCI
23.	Duong Nghia Bang , Synthesis, structure, and photoisomerization of derivatives of 2-(2-quinolyl)-1,3-tropolones prepared by the condensation of 2-methylquinolines with 3,4,5,6-tetrachloro-1,2-benzoquinone (with YA Sayapin, VN Komissarov, IV Dorogan, NI Makarova, IO Bondareva, VV Tkachev, GV Shilov, SM Aldoshin, VI Minkin)	Tetrahedron	2010	SCI
24.	Le Thanh Nhan , On pseudo supports and non Cohen-Macaulay locus of a finitely generated module (with NT Cuong, NK Nga).	Journal of Algebra	2010	SCI
25.	Le Thanh Nhan , On the catenaricity of Noetherian local rings and quasi-unmixed Artinian modules (with Tran Nguyen An).	Comm. Algebra	2010	SCI
26.	Man Hoang Viet , Top-Leads for Swine Influenza A/H1N1 Virus Revealed by Steered Molecular Dynamics Approach (with BK Mai, MS Li).	J. Chem. Inf. Model.	2010	SCI
27.	Man Hoang Viet , Studying the fast folding kinetics of an antifreeze protein RD1 using a photolabile caging strategy and time-resolved photoacoustic calorimetry on a nanosecond time scale (with H. Chen, J. Hsu, MS Li, C. Hu, C Liu, F. Luh, S. Chen, E. Chang, A. Wang, M. Hsu, W Fann, R. Chen).	Proteins: Structures, Functions & Bioinform.	2010	SCI
28.	Duong Nghia Bang , Synthesis and structure of 7H-12-Oxa-3,7-diazapleiadenes (with VV Tkachev, GV Shilov, SM Aldoshin, YA Sayapin, VN Komissarov, VI Minkin)	Russian J. Organic Chemistry	2011	SCI
29.	Duong Nghia Bang , Synthesis and molecular structure of 7H-12-oxa-3,7-diazapleiadene-substituted 1,3-tropolones (with SM Aldoshin, YA Sayapin, IO Bondareva, VN Komissarov, IV Dorogan, VV Tkachev, GV Shilov, VI Minkin)	Russian Chemical Bulletin	2011	SCI
30.	Nguyen Van Dang , Tetragonal and hexagonal polymorphs of BaTi _{1-x} FexO _{3-δ} multiferroics using x-ray and Raman analyses (with NM Ha, PY Chuang, TD Thanh, CW Hu, TY Chen, VD Lam, CH Lee, LV Hong).	Applied Physics Letters	2011	SCI
31.	Nguyen Van Dang , Structural, optical and magnetic properties of polycrystalline BaTi _{1-x} FexO ₃ ceramics (with TD Thanh, LV Hong, VD Lam, TL Phan).	J. Applied Physics	2011	SCI
32.	Nguyen Van Hao , Generation of nanosecond laser pulses at a 2.2-MHz repetition rate by a cw diode-pumped passively Q-switched Nd ³⁺ :YVO ₄ laser (with NT Nghia, VA Orlovich, ND Hung).	Quantum Electronics	2011	SCI
33.	Nguyen Duc Lang , Hybrid Mann - Halpern iteration methods for nonexpansive mappings and semigroups (with N Buong).	Applied Math. & Comp.	2011	SCIE
34.	Nguyen Thi Luyen , Effect of reaction temperature and ligand concentration on the shape of CdSe nanocrystals (with LB Hai, NX Nghia, PT Nga, NT Lieu)	Intern. J. Nanotech.	2011	SCIE
35.	Mai Viet Thuan, Nguyen Thi Thanh Huyen , Novel optimal guaranteed cost control of non-linear systems with mixed multiple time-varying delays.	IMA J. Math. Control & Inf.	2011	SCIE
36.	Nguyen Thi Thu Thuy , Regularization of ill-posed mixed variational inequalities with non-monotone perturbations.	J. Ineq. & Applications	2011	SCIE
37.	Truong Minh Tuyen , Regularization proximal point algorithm for finding a common fixed point of a finite family of nonexpansive mappings in Banach spaces (with J K Kim).	Fixed Points Theory & Applications	2011	SCIE
38.	Man Hoang Viet , Inhibition of aggregation of amyloid peptides by beta-sheet breaker peptides and their binding affinity (with NT Son, NS Lam, MS Li).	J. Physics Chem. B	2011	SCI
39.	Pham The Chinh , Synthesis of 1-Alkyl-2-(trifluoromethyl)azetidines and Their Regiospecific Ring Opening toward Diverse α-(Trifluoromethyl) Amines via Intermediate Azetidinium Salts (with S. Kenis, M. D'hooghe, G. Verniest, DT Anh, NV Tuyen, ND Kimpe)	Journal of Organic Chemistry	2012	SCI

40.	Nguyen Thị Kim Cuc , B.S. Rapid detection of sacbrood virus in honey bee using ultra-rapid real-time polymerase chain reaction (with Yoo, M.S., Phu, V.N., Han, S.H., Kwon, S.H., Park, Y.H and Yoon).	Journal of Virological Methods	2012	SCI
41.	Nguyen Van Dang , Structural phase separation, optical and magnetic properties of BaTi _{1-x} Mn _x O ₃ multiferroics (with TD Thanh, VD Lam, LV Hong, TL Phan).	J. Applied Physics	2012	SCI
42.	Nguyen Van Dang , Structure of BaTi _{1-x} Fe _x O _{3-δ} multiferroics using X-ray analysis (with NM Ha, PY Chuang, TD Thanh, VD Lam, CH. Lee, LV Hong).	Chinese J. Physics	2012	SCI
43.	Nguyen Van Dang , Structure and magnetism of BaTi _{1-x} Fe _x O _{3-δ} multiferroics (with NM Ha, PY Chuang, JH Zhang, TD Thanh, CW Hu, TY Chen, HD Yang, VD Lam, CH Lee, LV Hong).	J. Applied Physics	2012	SCI
44.	Nguyen Van Dang , Influences of annealing temperature on structural characterization and magnetic properties of polycrystalline Mn-doped BaTiO ₃ (with TL Phan, P. Zhang, D. Grinting, SC Yu, NX Nghia, VD Lam).	J. Applied Physics	2012	SCI
45.	Nguyen Thi Hien , Multi-plasmon resonances supporting the negative refractive index in "single-atom" metamaterials (with DT Viet, NK Tung, YP Lee, BS Tung, VD Lam).	J. Non. Opt. Physics & Mat.	2012	SCI
46.	Le Thanh Nhan , On the top local cohomology modules (with TM Chau)	J. Algebra	2012	SCI
47.	Le Thanh Nhan , A finiteness result for certain Tor-modules (NT Dung)	Algebra Coll.	2012	SCIE
48.	Mai Viet Thuan , Dynamic output feedback guaranteed cost control for linear systems with interval time-varying delays in states and outputs (with VN Phat, TM Hieu).	Applied Math. and Comp.	2012	SCIE
49.	Mai Viet Thuan , Optimal Guaranteed Cost Control of Linear Systems with Mixed Interval Time-Varying Delayed State and Control (with VN Phát).	J. Optim. Theory&App.	2012	SCI
50.	Truong Minh Tuyen, Regularization Proximal Point Algorithm for Common Fixed Points of Nonexpansive Mappings in Banach Spaces.	J. Optim. Theory& App.	2012	SCI
51.	Do Minh Truong , Protective role of intestinal bacterial metabolism against baicalin-induced toxicity in HepG2 cell cultures (with T. Khanal, HG Kim, J. Choi, B. Park, M. Kang, H. Yeo, D. Kim, W. Kang, T. Jeong, H. Jeong).	Journal of Toxicol Sci.	2012	SCIE
52.	Do Minh Truong , 1-Bromopropane up-regulates cyclooxygenase-2 expression via NF-κB and C/EBP activation in murine macrophages (with Han EH, Yang JH, Kim HK, Choi JH, Khanal T, Chung YC, Lee KY, Jeong TC, Jeong HG).	Food Chem Toxicol	2012	SCI
53.	Do Minh Truong , Biotransformation of geniposide by human intestinal microflora on cytotoxicity against HepG2 cells (with Khanal T, Kim HG, Choi JH, Kong MJ, Kang MJ, Noh K, Yeo HK, Ahn YT, Kang W, Kim DH, Jeong TC, Jeong HG).	Toxicol Letter	2012	SCI
54.	Man Hoang Viet , Amyloid peptide Ab40 inhibits aggregation of Ab42: evidence from molecular dynamics simulations (with MS Li).	J. Chem. Physics	2012	SCI
55.	Nong Quoc Chinh, Le Thanh Nhan , Pseudo Cohen-Macaulayness of formal power series rings, idealization and localization. To appear.	Bull. Korean Math. Soc.	2012	SCIE
56.	Nguyen Van Dang , Enhanced low-field- magnetoresistance and Electromagnetic behavior of La _{0.7} Sr _{0.3} MnO ₃ / BaTiO ₃ composites (with P.T Phong, DH Manh, LV Hong, IJ Lee). To appear	Physica B	2012	SCI
57.	Le Thanh Nhan , Noetherian dimension and co-localization of Artinian modules (with TM Chau). To appear	Algebra Coll.	2012	SCIE
58.	Le Thanh Nhan , On generalized Cohen-Macaulay modules (with NH Loan). To appear.	Comm. Algebra	2012	SCI
59.	Mai Viet Thuan , Observer-Based Controller Design of Time-Delay Systems with Interval Time-Varying Delay (with VN Phat, TM Hieu). To appear.	Inter.J.Applied Math. Comp. Sci.	2012	SCIE
60.	Nguyen Thi Thu Thuy , Implicit iteration methods for variational inequalities in Banach spaces (with PT Hieu). To appear.	Bulletin MMSS	2012	SCIE
61.	Truong Minh Tuyền , A note on a paper "Regularization proximal point algorithm for common fixed points of nonexpansive mappings in Banach spaces" (with NT Hang). To appear.	J. Optim. Theory & Applications	2012	SCI